

ngày uống thuốc liên tục xu hướng giảm 4,9% glucose máu nhưng sự thay đổi chưa có ý nghĩa thống kê với  $p>0,05$ ; giảm chỉ số HbA1C máu 9,2%; sự thay đổi có ý nghĩa thống kê với  $p<0,05$ .

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nam Han Cho et al (2013). *IDF Diabetes Atlas*.
2. Đỗ Trung Quân (2006). *Biến chứng bệnh đái tháo đường và điều trị*, Nhà xuất bản Y học Hà Nội, 159 -162, 273 - 279.

3. Tiêu Ngọc Chiến (2014). *Nghiên cứu tính an toàn, tác dụng hạ đường huyết trên thực nghiệm và đái tháo đường typ 2 mức độ nhẹ bằng cao lỏng thấp vị giáng đường phượng* Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Y Hà Nội.

4. Vũ Thị Mận (2015). *Đánh giá tác dụng của bài thuốc "Giáng chỉ tiêu khát linh" trong điều trị rối loạn lipid máu*, Luận văn Thạc sĩ Y học, Đại học Y Hà Nội.

5. Lê Đức Nguyên (2015). *Đánh giá hiệu quả điều trị rối loạn lipid máu của Ngũ phúc tâm não thanh tại Bệnh viện Y học Cổ truyền Hà Đông*, Khóa luận tốt nghiệp Bác sĩ y khoa, Đại học Y Hà Nội.

## SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI BỆNH NGOẠI TRÚ TẠI KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC NĂM 2018

NGUYỄN ĐÌNH TÌNH, DƯƠNG ANH DŨNG  
Trường Đại học Y tế Công cộng Hà Nội

#### TÓM TẮT

Theo Tổ chức Y tế Thế giới, chất lượng dịch vụ y tế tác động đến sự hài lòng của người bệnh và ngược lại sự hài lòng của người bệnh phản ánh được hiệu quả của dịch vụ do bệnh viện và ngành y tế cung cấp. Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu thực trạng sự hài lòng của người bệnh đến sử dụng dịch vụ tại Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức năm 2018.

Phương pháp: Nghiên cứu sử dụng thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang phỏng vấn 140 bệnh nhân tới khám tại Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức năm từ tháng 3/2018 đến 5/2018. Nghiên cứu sử dụng bộ công cụ của Bộ Y tế để phỏng vấn sự hài lòng của người bệnh dựa trên các khía cạnh hài lòng về yếu tố khả năng tiếp cận, hài lòng về sự minh bạch thông tin và thủ tục khám, hài lòng về cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh, hài lòng về thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế, hài lòng về kết quả cung cấp dịch vụ.

Kết quả: Tỷ lệ người bệnh hài lòng chung là 30%; tỷ lệ người bệnh hài lòng về yếu tố khả năng tiếp cận 44,3%, tỷ lệ người bệnh hài lòng về sự minh bạch thông tin và thủ tục khám 26,4%, tỷ lệ người bệnh hài lòng về cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh 35,7%.

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Đình Tình  
Email: ndt4@huph.edu.vn  
Ngày nhận: 17/5/2021  
Ngày phân biện: 14/6/2021  
Ngày duyệt bài: 22/6/2021

tỷ lệ người bệnh hài lòng về thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế 40,7%, tỷ lệ người bệnh hài lòng về kết quả cung cấp dịch vụ 55,7%.

**Từ khóa:** Sự hài lòng của người bệnh, Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức

#### SUMMARY

According to the World Health Organization, the quality of health services affects patient satisfaction and vice versa, patient satisfaction reflects the effectiveness of services provided by hospitals and the health sector. The study used a cross-sectional study design to interview 140 patients visited the Imaging Diagnosis Department, Viet Duc Hospital from March 2018 to May 2018. The study used the toolkit of the Ministry of Health to interview the patient's satisfaction based on the following aspects: satisfaction with accessibility factors, satisfaction with information transparency and examination procedures, satisfaction with facilities and equipment for patients, satisfaction with the attitude and professional competence of medical staff, satisfaction with the result of service provision. The results of the study are: overall patient satisfaction rate is 30%; The percentage of patients satisfied with the accessibility factor was 44.3%; Percentage of patients satisfied with the transparency of information and examination procedures 26.4%; Percentage of patients satisfied with facilities and equipment for patients 35.7%; Percentage of patients satisfied with the attitude and professional competence of medical staff 40.7%; The rate of patients

satisfied with the results of service provision 55.7%.

**Keywords:** Patient satisfaction, Viet Duc Hospital.

### **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Theo Tổ chức Y tế Thế giới, chất lượng dịch vụ y tế tác động đến sự hài lòng của người bệnh và ngược lại sự hài lòng của người bệnh phản ánh được hiệu quả của dịch vụ do bệnh viện và ngành y tế cung cấp. Sự hài lòng của người bệnh là một chỉ số quan trọng để đánh giá chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh<sup>[1]</sup>. Nghiên cứu sự hài lòng của người bệnh là một công cụ hữu ích giúp nhà quản lý bệnh viện xây dựng các chương trình cải thiện chất lượng phục vụ người bệnh.

Tại Việt Nam, Bộ Y tế đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý chất lượng bệnh viện như Quyết định số 29/2008/QĐ - BYT ngày 18 tháng 08 năm 2008 của Bộ Y tế về "Quy tắc ứng xử của cán bộ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp y tế"<sup>[2]</sup>, Chỉ thị 05/CT-BYT ngày 10 tháng 09 năm 2012 của Bộ Y tế "về việc tăng cường thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh sau khi điều chỉnh giá dịch vụ y tế"<sup>[3]</sup>, Quyết định số 1313/QĐ - BYT ngày 22 tháng 04 năm 2013 của Bộ Y tế "Về việc ban hành hướng dẫn qui trình khám bệnh tại khoa khám bệnh của bệnh viện"<sup>[4]</sup>, Quyết định số 4939/QĐ-BYT ngày 15 tháng 9 năm 2016 về Phê duyệt kế hoạch triển khai đề án đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công gia đoạn 2016 -2020<sup>[5]</sup>. Vì vậy, vấn đề đánh giá sự hài lòng của người bệnh về dịch vụ y tế ngày càng được các bệnh viện quan tâm thực hiện.

Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Việt Đức đã và đang đóng vai trò quan trọng trong bệnh viện, các phương tiện hiện đại ngày nay cho phép chúng ta phát hiện sớm và chính xác hơn các bệnh lý, chúng cũng cho phép hạn chế các thủ thuật điều trị không cần thiết. Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức trong những năm qua đã đầu tư về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, con người và từng bước cải tiến quy trình hoạt động khoa khám bệnh trong đó có qui trình khám chẩn đoán hình ảnh nhằm nâng cao sự hài lòng của người bệnh. Lưu lượng người bệnh đến khám, chẩn đoán hình ảnh tại Bệnh viện Việt Đức là khoảng 1000 bệnh nhân/ngày, số lượt là khoảng 1200 lượt/ngày<sup>[6]</sup>. Lượng bệnh nhân đông, nhu cầu cao, đặc biệt trong những ngày đầu tuần, lượng bệnh nhân gây ùn tắc, lộn xộn tại khoa Chẩn đoán hình ảnh. Điều này có thể ảnh hưởng đến chất lượng tiếp đón và chẩn

đoán hình ảnh đối với bệnh nhân. Để có thể đánh giá một cách khoa học, và cung cấp bằng chứng thuyết phục cho việc thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng của người bệnh, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm mô tả thực trạng hài lòng của người bệnh đến sử dụng dịch vụ khám chữa bệnh tại Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Việt Đức năm 2018.

### **ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

#### **1. Đối tượng nghiên cứu**

Người bệnh từ 18 tuổi trở lên, đến khám bệnh và có chỉ định các thăm khám hình ảnh như chụp Xquang, siêu âm ổ bụng, chụp cộng hưởng từ, chụp cắt lớp vi tính... tại Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Việt Đức trong khoảng thời gian từ 01/3/2018 - 27/5/2018. Tiêu chuẩn loại trừ bệnh nhân bao gồm: 1) Người bệnh dưới 18 tuổi. 2) Người bệnh là nhân viên y tế tại Bệnh viện. 3) Người bệnh là người nhà của nhân viên y tế tại Bệnh viện. 4) Người bệnh hôn mê, người bệnh có tinh thần không tỉnh táo, có vấn đề về sức khỏe tâm thần.

#### **2. Thiết kế nghiên cứu, cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu**

Thiết kế mô tả cắt ngang. Cỡ mẫu nghiên cứu được chọn toàn bộ bệnh nhân trong khoảng thời gian từ 01/3/2018 - 27/5/2018. Kết quả là 140 đối tượng nghiên cứu được chọn tham gia nghiên cứu. Mẫu nghiên cứu được chọn ngẫu nhiên có hệ thống dựa trên danh sách người bệnh đến khám tại Khoa CĐHA, Bệnh viện Việt Đức với hệ số  $k = 83$ .

#### **3. Thu thập, xử lý phân tích số liệu**

Số liệu được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp người tham gia nghiên cứu. Bộ câu hỏi sử dụng cho phỏng vấn được thiết kế dựa trên cơ sở "Phiếu khảo sát ý kiến người bệnh ngoại trú" (mẫu phiếu số 2) của Bộ Y tế năm 2016 và chỉnh sửa nội dung cho phù hợp với nghiên cứu<sup>[5]</sup>. Thông tin về mức độ hài lòng của người bệnh bao gồm: 1) khả năng tiếp cận dịch vụ; 2) sự minh bạch thông tin; 3) cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh; 4) thái độ ứng xử của nhân viên y tế; và 5) kết quả cung cấp dịch vụ. Các thông tin này được lượng giá bằng thang điểm 5 mức độ Likert: từ rất không hài lòng (1 điểm) đến rất hài lòng (5 điểm).

Số liệu được nhập bằng phần mềm EpiData 3.1 và phân tích bằng SPSS 16.0. Phần thống kê mô tả: Sử dụng phương pháp thống kê mô tả phù hợp cho các biến số và đáp ứng mục tiêu nghiên cứu, tính giá trị trung bình, độ lệch chuẩn.

#### **4. Đạo đức trong nghiên cứu**

Nghiên cứu được Hội đồng Đạo đức -

Trường Đại học Y tế Công cộng thông qua căn cứ vào văn bản số 239/2018/YTCC-HD3 ngày 16 tháng 04 năm 2018.

## KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

### 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu

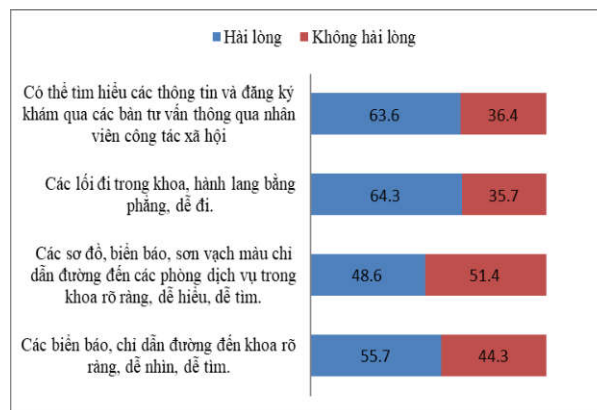
Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu

Thông tin chung		n	%
Tuổi	< 30	20	14,3
	30 - 39	15	10,7
	40 -59	74	52,9
	≥ 60	31	22,1
Giới tính	Nam	64	45,7
	Nữ	76	54,3
Trình độ học vấn	≤ Cấp I	0	0
	Cấp II	12	8,6
	Cấp III	44	31,4
	Trung cấp trở lên	84	60,0
	Học sinh, sinh viên	11	7,9
Nghề nghiệp	Nông dân	37	26,4
	Công chức, viên chức, công nhân	21	15,0
	Cán bộ hưu trí	25	17,9
	Khác	46	32,9
Tình trạng hôn nhân	Chưa kết hôn	0	0
	Đã kết hôn	129	92,1
	Ly hôn/góa	11	7,9
Bảo hiểm y tế	Có	71	50,7
	Không	69	49,3
Khoảng cách đến bệnh viện	Dưới 5km	0	0
	Từ 5km trở lên	140	100
Tổng số dịch vụ người bệnh sử dụng	1	3	2,1
	2	61	43,6
	≥ 3	76	54,4
Số lần khám bệnh tại bệnh viện từ đầu năm đến giờ	1	52	37,1
	2	49	35,0
	≥ 3	39	37,9

Đa số các ĐTNC từ 40 - 59 tuổi, nam giới chiếm 42,9%, nữ giới 57,1%, trình độ từ trung cấp trở lên 75,7%, nghề nghiệp chủ yếu là công nhân viên chức chiếm 28,6%, đã kết hôn 87,1%, không sử dụng thẻ BHYT 65,7%, khoảng cách từ nhà đến bệnh viện từ 5km trở lên 94,3%, sử dụng 2 dịch vụ tại khoa 54,3%, từ đầu năm 2018 khám bệnh tại bệnh viện chủ yếu là 1 lần 65,7%.

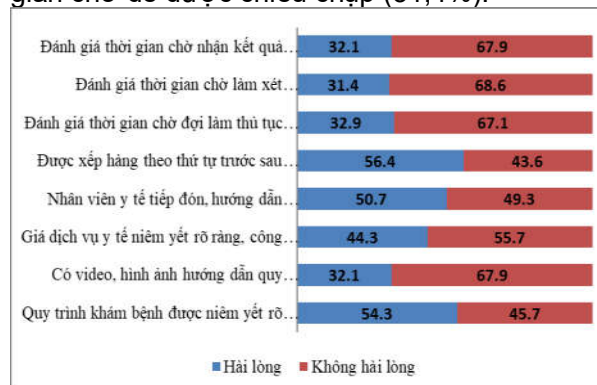
### 2. Mô tả sự hài lòng của người bệnh ngoại trú tại Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức năm 2018

Tỷ lệ hài lòng về các lối đi trong khoa, hành lang bằng phẳng dễ đi là cao nhất 64,3%, thấp nhất là tỷ lệ hài lòng về các sơ đồ, biển báo, sơn vạch màu chỉ dẫn đường là 48,6%.



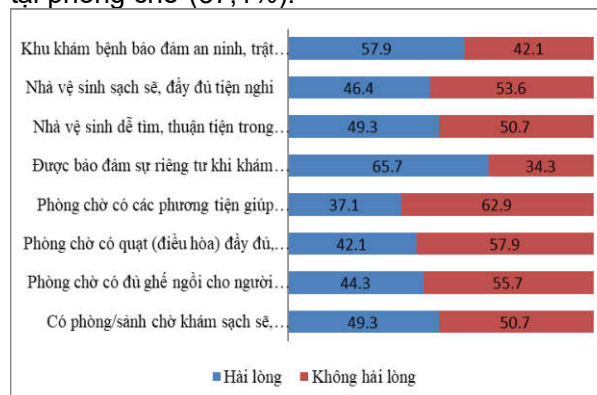
**Biểu đồ 1. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh về các tiêu mục về khả năng tiếp cận**

Tỷ lệ người bệnh hài lòng cao nhất về được xếp hàng theo thứ tự (56,4%), thấp nhất là thời gian chờ để được chiếu chụp (31,4%).



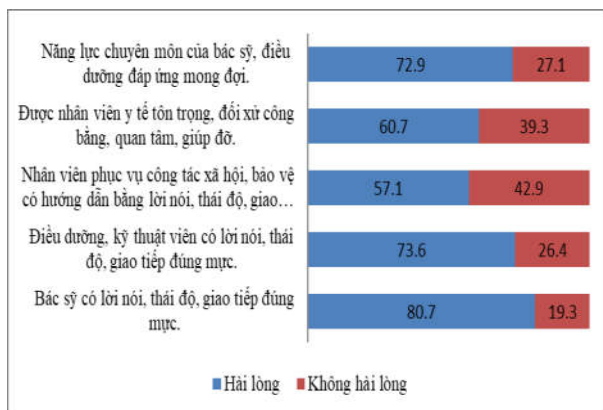
**Biểu đồ 2. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh về các tiêu mục trong sự minh bạch thông tin và thủ tục khám**

Tỷ lệ người bệnh hài lòng cao nhất về người bệnh được đảm bảo sự riêng tư khi chiếu chụp (65,7%), thấp nhất về các phương tiện tiện nghi tại phòng chờ (37,1%).



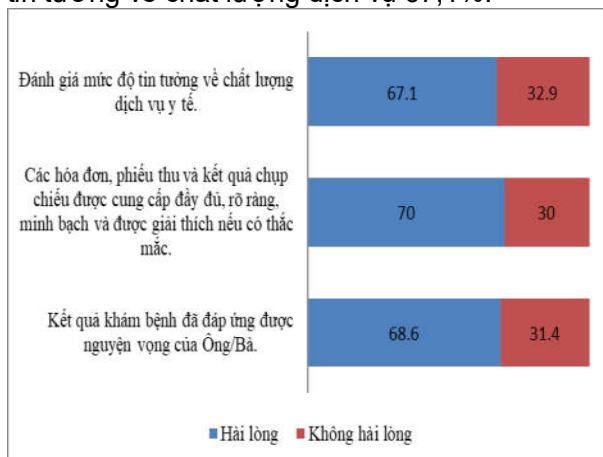
**Biểu đồ 3. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh về cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh**

Tỷ lệ người bệnh hài lòng cao nhất về thái độ giao tiếp của bác sỹ 80,7%, thấp nhất là về nhân viên công tác xã hội, bảo vệ 57,1%.



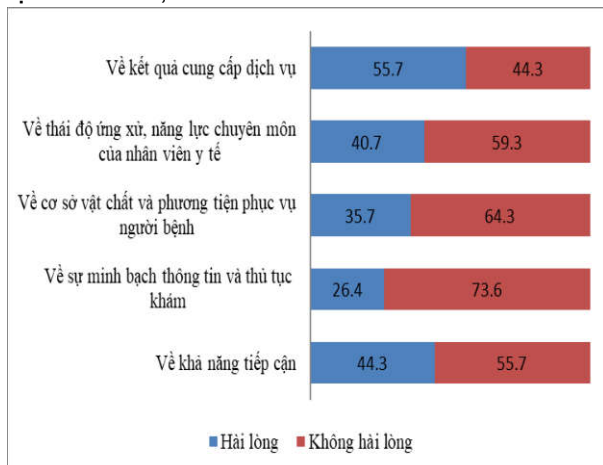
**Biểu đồ 4. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh về thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế**

Tỷ lệ người bệnh hài lòng cao nhất về các phiếu thanh toán 70%, thấp nhất là về mức độ tin tưởng về chất lượng dịch vụ 67,1%.



**Biểu đồ 5. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh về kết quả cung cấp dịch vụ**

Trong 5 khía cạnh tỷ lệ người bệnh hài lòng về kết quả cung cấp dịch vụ là cao nhất 47,6%, thấp nhất là về sự minh bạch thông tin và thủ tục khám 26,4%.



**Biểu đồ 6. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh theo các khía cạnh**

Nghiên cứu đánh giá trên 5 yếu tố khả năng tiếp cận, sự minh bạch thông tin, thủ tục khám, cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ người bệnh, thái độ ứng xử năng lực chuyên môn và kết quả cung cấp dịch vụ. Kết quả tỷ lệ hài lòng người bệnh cao nhất là yếu tố kết quả cung cấp dịch vụ 55,7%, thấp nhất là sự minh bạch thông tin và thủ tục khám 26,4%. Yếu tố sự minh bạch và thủ tục khám là một yếu tố rất khó để thực hiện tốt ở các bệnh viện công, bởi người bệnh có xu hướng muốn hưởng dịch vụ tốt nhưng giá dịch vụ cũng phải phù hợp, vì vậy những người bệnh có tiền thường sử dụng dịch vụ tại các bệnh viện có tiêu chuẩn quốc tế thì được chăm sóc, tiếp đón mọi dịch vụ đều tốt nhất nhiều nghiên cứu đã chỉ ra quy trình khám chữa bệnh, sự quá tải ảnh hưởng đến tỷ lệ hài lòng của người bệnh, nhân viên tiếp đón nhiệt tình và niềm nở, thủ tục hành chính<sup>[7],[8]</sup>. Bệnh viện Nhi Thái Bình cũng có kết quả tương tự điểm trung bình hài lòng về khả năng tiếp cận là 4,05 cao nhất so với nhóm các tiêu chí khác và tiêu chí sự minh bạch thông tin và thủ tục khám là thấp nhất 3,99 điểm<sup>[9]</sup>. Bệnh viện Đa khoa huyện Đan Phượng thì cao nhất là khả năng tiếp cận 4,21 điểm, thấp nhất là kết quả cung cấp dịch vụ 4,08 điểm<sup>[10]</sup>. Điều này cho thấy khả năng tiếp cận là yếu tố dễ dàng triển khai thực hiện và mang lại sự hài lòng cho người bệnh.

Tỷ lệ người bệnh không hài lòng chung chiếm 70%, tỷ lệ người bệnh hài lòng chiếm 30%.

Tỷ lệ hài lòng chung của người bệnh là 30% tỷ lệ này cũng tương đương với kết quả đánh giá của Bệnh viện Đa khoa Đan Phượng 79%, Bệnh viện Sản Nhi Thái Bình là 76,03%<sup>[9],[10]</sup>. Nghiên cứu của tác giả Võ Ngọc Hoàng (2014) về "Nghiên cứu sự hài lòng của người bệnh đối với quy trình khám chẩn đoán hình ảnh tại Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, năm 2014 và một số yếu tố liên quan" kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ hài lòng chung của người bệnh trong nghiên cứu này chiếm 57,9%<sup>[11]</sup>. Sự khác nhau này có thể do sự khác biệt về thiết kế nghiên cứu, bộ câu hỏi và phương thức tiến hành.

### KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu tại Khoa Chẩn đoán hình ảnh - Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức năm 2018 cho thấy tỷ lệ người bệnh hài lòng chung là 30%, tỷ lệ người bệnh hài lòng về yếu tố khả năng tiếp cận 44,3%; tỷ lệ người bệnh hài lòng về sự minh bạch thông tin và thủ tục khám 26,4%, tỷ lệ người bệnh hài lòng về cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh 35,7%, tỷ lệ người bệnh hài lòng về thái độ ứng xử,

năng lực chuyên môn của nhân viên y tế 40,7%, tỷ lệ người bệnh hài lòng về kết quả cung cấp dịch vụ 55,7%.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Mỹ Phượng, Nguyễn Thị Nghiệp và Châu Lệ Phương (2012). Nghiên cứu sự hài lòng của người bệnh tại các Bệnh viện Đa khoa trong tỉnh Trà Vinh năm 2012, Trà Vinh, truy cập ngày 18-01-2017, tại trang web [http://travinh.gov.vn/wps/wcm/connect/010bfd804dc147cdb9f5bf34c4ca8474/TOMTAT-SUHAILONGNGUOIBENH\\_doc.pdf?MOD=AJPERES](http://travinh.gov.vn/wps/wcm/connect/010bfd804dc147cdb9f5bf34c4ca8474/TOMTAT-SUHAILONGNGUOIBENH_doc.pdf?MOD=AJPERES).
2. Bộ Y tế (2008). Quyết định số 29/2008/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 08 năm 2008 về việc ban hành "Quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp y tế, Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2012). Chỉ thị số 05/CT-BYT ngày 10 tháng 09 năm 2012 về việc "Tăng cường thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh sau khi điều chỉnh giá dịch vụ y tế, Hà Nội.
4. Bộ Y tế (2013). Quyết định số 1313/2013/QĐ-BYT, ngày 22 tháng 04 năm 2013 về việc ban hành "Hướng dẫn quy trình khám bệnh tại khoa khám bệnh của bệnh viện, Hà Nội.
5. Bộ Y tế (2016). Quyết định số 4939/QĐ-BYT ngày 15 tháng 9 năm 2016 về Phê duyệt kế hoạch

triển khai đề án đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công giai đoạn 2016 -2020.

6. Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức (2017). Tổng kết công tác cuối năm 2017, Hà Nội.
7. Nguyễn Thu Hoàng (2016). Đánh giá sự hài lòng của người bệnh về dịch vụ khám chữa bệnh tại Khoa Khám bệnh, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang năm 2016, Quản lý Y tế, Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội.
8. Cao Mỹ Phượng, Nguyễn Thị Nghiệp và Châu Lệ Phương (2012). Nghiên cứu sự hài lòng của người bệnh tại các bệnh viện đa khoa trong tỉnh Trà Vinh năm 2012, Trà Vinh, truy cập ngày 18 01 - 2017.
9. Bệnh viện Nhi Thái Bình (2017). Báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng người bệnh ngoại trú quý IV năm 2017.
10. Bệnh viện Đa khoa huyện Đan Phượng (2018). Báo cáo số 357/BC-BVĐP ngày 10 tháng 7 năm 2018 về kết quả khảo sát sự hài lòng người bệnh ngoại trú 6 tháng năm 2018.
11. Võ Ngọc Hoàng (2014). Nghiên cứu sự hài lòng của người bệnh đối với quy trình khám chẩn đoán hình ảnh tại Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, năm 2014 và một số yếu tố liên quan, Quản lý bệnh viện, Đại học Y tế Công cộng, Tây Nguyên.

## TỔNG QUAN VỀ ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG VÀ MÔ BỆNH HỌC CỦA VIÊM XOANG DO NẤM XÂM NHẬP

NGUYỄN THỊ NGÀ<sup>1</sup>, NGUYỄN QUANG TRUNG<sup>2</sup>  
<sup>1</sup>Bệnh viện Đa Khoa Phố Nối,  
<sup>2</sup>Trường Đại học Y Hà Nội

### TÓM TẮT

Viêm xoang do nấm xâm nhập là một bệnh nguy hiểm và có tỷ lệ tử vong cao<sup>[1]</sup>. Từng được coi là bệnh hiếm, nhưng trong những năm gần đây bệnh lý có xu hướng gia tăng<sup>[2]</sup>. Ở nước ta có rất ít các tài liệu nghiên cứu về bệnh lý này. Nghiên cứu hiện tại xem xét một cách hệ thống và tổng hợp mang tính chất định tính các tài liệu xuất bản với Mục tiêu: Tổng quan về đặc điểm lâm sàng, mô bệnh học và một số yếu tố liên quan của bệnh viêm xoang do nấm xâm nhập. Thiết kế nghiên cứu: Tổng quan luận điểm.

**Đối tượng và phương pháp:** Hai mươi ba nghiên cứu tổng hợp từ cơ sở dữ liệu điện tử từ Pubmed, Cochrane, Thư viện Đại học Y Hà Nội và cách tìm kiếm thủ công thu được 115 bệnh nhân đáp ứng đủ các tiêu chí lựa chọn được đưa vào phân tích mô tả trong nghiên cứu.

**Kết quả:** Bệnh gặp chủ yếu ở bệnh nhân trong độ tuổi lao động, nam chiếm phần lớn. Chủ yếu mắc bệnh ác tính huyết học (49/115 bệnh nhân). Tuy nhiên, cũng có khoảng ¼ bệnh nhân có tình trạng miễn dịch bình thường (30/115 bệnh nhân). Triệu chứng lâm sàng được mô tả nhiều nhất là đau đầu (53/115 bệnh nhân), ngạt mũi (51/115 bệnh nhân), chảy mũi (31/ 115 bệnh nhân). Kết quả mô bệnh học được mô tả nhiều nhất là xâm nhập cấp tính (71/ 115 bệnh nhân) và mức độ xâm nhập nhiều nhất được báo cáo là ở niêm mạc (39/115 bệnh nhân). Trong nhóm có đặc điểm mô học xâm

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Thị Ngà  
Email: nganguyen561988@gmail.com  
Ngày nhận: 13/5/2021  
Ngày phản biện: 10/6/2021  
Ngày duyệt bài: 15/6/2021